

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA EU TẠI VIỆT NAM

ĐINH MẠNH TUẤN *

Bước sang những năm đầu thế kỷ XXI, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Liên minh châu Âu (EU) tại Việt Nam có những biến động mạnh mẽ, đặc biệt, giai đoạn 2001 - 2004 có thay đổi quan trọng về hình thức đầu tư, địa bàn, ngành và lĩnh vực đầu tư. Sau khi EU mở rộng (năm 2005), hoạt động đầu tư của EU tại Việt Nam đang đứng trước những cơ hội hết sức thuận lợi, tuy nhiên, cũng tồn tại những khó khăn, thách thức cần phía Việt Nam nghiên cứu nhằm tìm giải pháp nâng cao khả năng thu hút vốn FDI của EU.

LIÊN minh châu Âu (EU) luôn là khu vực dẫn đầu thế giới về hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, trong những năm 90 của thế kỷ XX, lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của EU vào Việt Nam vẫn chưa nhiều, thiếu ổn định, chưa thật tương xứng với tiềm năng cũng như nhu cầu hợp tác của hai phía. Bước sang những năm đầu của thế kỷ XXI, luồng vốn FDI của EU vào Việt Nam đã có nhiều thay đổi cả về số lượng và chất lượng.

1 - Tình hình thu hút FDI từ EU15

Ngay sau khi Việt Nam ban hành Luật Đầu tư nước ngoài vào cuối năm 1987, không ít các nhà đầu tư của EU15 đã đi tiên phong trong việc rót vốn vào Việt Nam. Tuy nhiên, chỉ từ sau năm 1994, khi EU đưa ra "Chiến lược châu Á mới", EU mới thực sự nhìn nhận châu Á là khu vực kinh tế hùng mạnh và là đối tác thương mại đầy tiềm năng. Hợp tác về đầu tư giữa hai khu vực được tăng cường mạnh mẽ hơn; các nhà đầu tư EU15 hiện diện nhiều hơn ở các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN) trong đó có Việt Nam. Đến năm 1996, đầu tư

của EU15 vào Việt Nam khá cao, chiếm khoảng 12% tổng số vốn đầu tư của EU15 vào khu vực châu Á, riêng 2 năm 1998 - 1999 bị suy giảm do khủng hoảng tài chính châu Á.

Bước sang những năm đầu của thế kỷ XXI, nguồn vốn FDI của EU15 vào Việt Nam có những biến động mạnh mẽ. Đầu tư của EU15 vào Việt Nam gia tăng mạnh vào năm 2000 và tiếp tục duy trì ở mức cao trong năm 2001. Trong 2 năm, vốn đăng ký của các dự án đầu tư mới vào Việt Nam đã vượt xa con số của các nước và khu vực khác cả về mặt tổng giá trị và tỷ lệ phần trăm trong tổng số. Tuy nhiên, năm 2002, vốn FDI của EU15 vào Việt Nam giảm hẳn. Nhưng 2 năm tiếp theo (2003, 2004), vốn đầu tư của khối này vào Việt Nam lại tăng lên mặc dù vẫn ở mức thấp hơn so với trước kia.

Bên cạnh những thay đổi về lượng vốn, trong giai đoạn 2001 - 2004, hoạt động đầu tư trực tiếp

* ThS, Viện Nghiên cứu châu Âu thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

của các nước EU15 đã có một số thay đổi quan trọng:

Thứ nhất, tỷ lệ vốn thực hiện trên tổng vốn đăng ký mà các nước EU15 đầu tư vào Việt Nam từ mức 43,5% tính đến giữa năm 2000 đã tăng lên mức 67,9% tính đến cuối năm 2004 và luôn cao hơn tỷ lệ vốn thực hiện và vốn đăng ký chung của tất cả các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, quy mô trung bình của một dự án mà EU15 đầu tư vào Việt Nam lại giảm từ 18,18 triệu USD tính đến giữa năm 2000 xuống còn 14,68 triệu USD tính đến cuối năm 2004.

Thứ hai, xét về cơ cấu vốn FDI phân theo hình thức đầu tư, các nhà đầu tư EU15 vẫn tập trung chủ yếu dưới hai hình thức là 100% vốn nước ngoài và liên doanh. Những năm gần đây, EU15 đã có xu hướng gia tăng việc thành lập mới hoặc chuyển từ hình thức liên doanh sang hình thức 100% vốn nước ngoài. Điều này một mặt phản ánh kết quả từ những nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam, trong đó có những biện pháp như trao thêm quyền cho các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là quyền tự do lựa chọn dự án, lựa chọn đối tác đầu tư, hình thức đầu tư và địa điểm đầu tư đối với những dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện hoặc bị hạn chế. Mặt khác, nó cũng phản ánh thực tế là các nhà đầu tư của EU15 đã có nhiều thông tin hơn về thị trường Việt Nam, đồng thời cũng đã có nhiều nhà đầu tư đứng vững trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Thứ ba, cơ cấu vốn FDI phân theo địa bàn cũng có nhiều thay đổi. Các dự án có vốn FDI của EU15 hoạt động tại hơn 30 tỉnh, thành của Việt Nam. Ngoài hai thành phố lớn Hồ Chí Minh và Hà Nội là những nơi luôn được các nhà đầu tư EU15 đặc biệt chú ý, một số địa phương khác như Đồng Nai và Bình Dương đã dần thu hút được sự quan tâm nhiều hơn nhờ thực hiện mạnh mẽ các giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư.

Thứ tư, trong thời gian 2001 - 2004, cơ cấu vốn FDI của EU15 tại Việt Nam phân theo lĩnh vực và ngành không có nhiều thay đổi. Vốn đầu

tư của EU15 có mặt ở tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế. Tính đến cuối năm 2003, lĩnh vực công nghiệp vẫn là nơi thu hút nhiều vốn FDI nhất, chiếm 55,3% số dự án và gần 62% tổng số vốn đăng ký. Trong lĩnh vực dịch vụ, vốn FDI của EU15 vào Việt Nam vẫn còn ở mức tương đối thấp, tính đến cuối năm 2003 là 1,8644 tỉ USD (30,9%). Nguyên nhân là do hệ thống pháp luật liên quan còn chưa đồng bộ, thiếu rõ ràng, thậm chí mới dừng ở mức thí điểm. Ngoài ra còn do khu vực tư nhân chưa tham gia nhiều vào hoạt động đầu tư và cung ứng dịch vụ hạ tầng, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của khu vực dịch vụ tại Việt Nam. Lĩnh vực nông - lâm - thủy sản chủ yếu vẫn là các dự án hỗ trợ cho nông nghiệp và phát triển nông thôn. Các dự án này thường áp dụng kỹ thuật sản xuất tiên tiến, góp phần tạo ra nhiều công ăn việc làm, phát triển nguồn nguyên liệu, tạo nền sản xuất hàng hóa ở nông thôn và đặc biệt là mở ra thị trường xuất khẩu cho hàng nông - lâm - thủy sản của Việt Nam.

Theo các chuyên gia về đầu tư, số lượng FDI của EU15 ở Việt Nam giai đoạn 2001 - 2004 vẫn còn khoảng cách khá xa so với mức tiềm năng của EU15 cũng như nhu cầu về vốn của Việt Nam. Nhìn chung, các nhà đầu tư của EU15 vẫn chưa coi Việt Nam là địa điểm đầu tư trọng điểm, vẫn còn dè dặt và chờ đợi những thay đổi tích cực của môi trường đầu tư tại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ. Chính vì vậy, đầu tư của EU15 tại Việt Nam thời gian qua phần lớn vẫn mang tính chất thăm dò và giữ chỗ. Số đông các nhà đầu tư EU15 chưa quan tâm nhiều tới việc xây dựng những ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ ổn định cho việc sản xuất hàng hóa và kinh doanh lâu dài tại Việt Nam.

Ngoài ra, các dự án đầu tư của EU15 tại Việt Nam thời gian qua vẫn duy trì một số đặc điểm đặc thù như các dự án thường có quy mô vốn đầu tư lớn, bình quân thường gấp khoảng 1,9 lần so với các đối tác châu Á. Các dự án này thường đưa vào Việt Nam những công nghệ tiên tiến, các sản phẩm sản xuất đạt tiêu chuẩn quốc tế

nhưng chính vì vậy mà số lao động được sử dụng lại không nhiều ⁽¹⁾.

2 - Triển vọng thu hút FDI từ EU 25 của Việt Nam

Năm 2005, dòng vốn FDI của EU vào Việt Nam có xu hướng gia tăng trở lại. Đầu năm, hai tập đoàn Coralis SA (Pháp) và Lohr Industries (Đức) được trao giấy phép đầu tư cho dự án xây dựng cao ốc Hanoi City Complex tại Hà Nội với số vốn là 119 triệu USD, dự kiến hoàn thành sau 2 năm. Tháng 3-2005, tập đoàn Lamela (Cộng hòa Séc) dự kiến đầu tư một nhà máy xi-măng tại tỉnh Bắc Kạn với tổng vốn đăng ký lên tới 400 triệu USD. Ngoài ra, thị trường bảo hiểm của Việt Nam cũng đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư EU, đặc biệt là hãng bảo hiểm Prevoir (Pháp) với giấy phép thành lập công ty bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam, vốn đăng ký là 10 triệu USD... Trong 8 tháng đầu năm 2005, vốn đầu tư của EU vào Việt Nam đạt khoảng 700 triệu USD, cao hơn nhiều so với cùng kỳ các năm trước; đến ngày 20-12-2005 là hơn 888 triệu USD⁽²⁾; tháng 4-2006 là 91,45 triệu USD⁽³⁾. Các chuyên gia về đầu tư cho rằng vốn FDI của EU25 vào Việt Nam đang đứng trước những cơ hội hết sức thuận lợi:

Một là, trong những năm tới, nền kinh tế thế giới, trong đó có nền kinh tế EU đang có xu hướng tiếp tục phục hồi, nhờ đó, hoạt động đầu tư trực tiếp của thế giới sẽ tiếp tục tăng trưởng cao, ở mức khoảng 11%/năm trong giai đoạn 2005 - 2008. Dòng vốn FDI chảy vào các nước đang phát triển được dự đoán sẽ tiếp tục gia tăng vì đây là khu vực vẫn luôn được đánh giá là khu vực hấp dẫn vốn FDI nhất thế giới.

Hai là, thời gian qua, Việt Nam đã rất nỗ lực trong việc đàm phán để trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và điều này đã có những tác động tích cực khiến các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm hơn tới Việt Nam. Khi đó, Việt Nam sẽ trở thành một nền kinh tế mở, có môi trường kinh doanh công bằng cho các thành phần kinh tế; tăng thêm tính hấp dẫn, đặc biệt là với các nhà đầu tư đến

từ EU vốn quen kinh doanh trong môi trường pháp lý hoàn chỉnh. Nhiều chuyên gia đầu tư có chung nhận xét rằng *khi Việt Nam gia nhập WTO, tính hấp dẫn của Việt Nam cao hơn và các nhà đầu tư có thể đưa ra những quyết định đầu tư lớn hơn.*

Ba là, đi đôi với nỗ lực đàm phán gia nhập WTO, Việt Nam đang rất tích cực trong việc cải thiện môi trường đầu tư, nổi bật là việc quy hoạch ngành đã được điều chỉnh theo hướng xóa bỏ hạn chế đối với đầu tư nước ngoài; các hình thức đầu tư đã được đa dạng hóa, thủ tục hành chính được cải thiện đáng kể; hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài cũng được chú ý hơn, lộ trình áp dụng cơ chế một giá được thúc đẩy; một số chi phí đầu vào như cước viễn thông và thuế thu nhập cá nhân đã được cắt giảm... Ngoài ra, Việt Nam với tình hình chính trị - xã hội ổn định, an ninh được bảo đảm, nền kinh tế được duy trì ở mức tăng trưởng cao đã tạo thêm lòng tin cho giới kinh doanh nước ngoài khi bỏ vốn đầu tư.

Bốn là, việc EU mở rộng lên 25 nước thành viên đã mở ra nhiều cơ hội mới cho Việt Nam trong nỗ lực thu hút FDI từ khu vực này. Hơn nữa, EU đã đưa ra chiến lược mới trong quan hệ với châu Á với tên gọi "*Châu Âu và châu Á: Một khuôn khổ chiến lược cho các quan hệ đối tác tăng cường*", cùng với việc hai bên ký kết "Hiệp định thu hoạch sớm" vào đầu năm 2005 và Chính phủ Việt Nam đã chính thức phê duyệt "Đề án tổng thể về quan hệ Việt Nam - EU" và "Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển quan hệ Việt Nam - EU đến năm 2010 và định hướng tới năm 2015". Những sự kiện này đã đem lại nhiều hy vọng mới cho quan hệ đầu tư của hai bên.

Việc EU mở rộng không chỉ mang lại những vận hội mới, với những điều kiện thuận lợi cho

(1) Nguyễn Văn Tuấn: *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, 2005, tr 173

(2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trang www.mpi.gov.vn

(3) *Tạp chí Đầu tư Việt Nam* (Tiếng Anh), số 761, 5-2006

hoạt động đầu tư trực tiếp của các nước EU tại Việt Nam mà còn đặt ra không ít *thách thức* đối với hoạt động này trong những năm tiếp theo.

Trước hết, trong những năm đầu sau khi mở rộng, EU sẽ tập trung nguồn lực để giải quyết những vấn đề nội bộ, như cải cách thể chế chính trị, pháp lý và cơ cấu lại nền kinh tế của những nước thành viên mới cho phù hợp với thể chế và cơ cấu toàn khối. Điều này đòi hỏi EU phải chi tiêu nguồn lực nhiều hơn và sẽ hạn chế một phần khả năng mở rộng đầu tư quốc tế của mình đối với các đối tác ngoài khối. Hơn nữa, do có sự chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển kinh tế giữa các nước thành viên cũ và mới, EU sẽ phải tiếp tục có những chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao mức sống ở các nước này. Do vậy, việc thu hút vốn FDI của EU đối với Việt Nam sẽ khó khăn hơn.

Ngoài ra, tuy môi trường đầu tư của Việt Nam thời gian qua đã có nhiều thay đổi tích cực, nhưng vẫn còn nhiều trở ngại chậm được gỡ bỏ. Bên cạnh đó, hoạt động xúc tiến đầu tư của Việt Nam đối với đầu tư nước ngoài đôi khi vẫn chưa được chú trọng đúng mức, hoặc còn mang tính chủ quan. Trong khi đó, cạnh tranh để thu hút vốn FDI trên thế giới và trong khu vực đang ngày càng gay gắt, nhiều nước trong khu vực như Trung Quốc, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a... lại có môi trường đầu tư được đánh giá là rộng mở và thông thoáng hơn Việt Nam.

3 - Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút FDI của EU vào Việt Nam

- Xây dựng chiến lược tổng thể thu hút vốn FDI của EU. Trong chiến lược này, Việt Nam cần đánh giá đầy đủ vai trò, vị trí của EU trong bối cảnh mới, đặc biệt sau khi EU mở rộng; thực sự coi EU là đối tác chiến lược quan trọng hàng đầu trong hợp tác về kinh tế nói chung và về đầu tư nói riêng; xác định rõ mục tiêu và các chương trình hành động phù hợp với tình hình chung của Việt Nam và EU trong những năm tiếp theo.

Cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư. Trong nhiều năm qua, môi trường đầu tư của Việt Nam đã được cải thiện mạnh mẽ và đã được

các nhà đầu tư ghi nhận. Đặc biệt, trong báo cáo toàn cầu Môi trường kinh doanh 2006 của Ngân hàng thế giới (WB) ghi nhận những kết quả mà Việt Nam đã đạt được và xếp Việt Nam là một trong số những nước cải cách hàng đầu trong năm 2005. Tuy nhiên, để tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả hơn nữa nguồn FDI của EU trong điều kiện mới, Việt Nam cần có những giải pháp toàn diện, lâu dài và nhất quán, đưa Việt Nam thực sự trở thành một trong những địa bàn đầu tư hấp dẫn hàng đầu trong khu vực. Để làm được điều này, theo các chuyên gia tư vấn đầu tư, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau:

Trước hết là *môi trường pháp lý*. Mục tiêu cải cách môi trường pháp lý của Việt Nam cần được thực hiện thông qua việc ban hành và bổ sung những quy chế còn thiếu (như quy định về việc áp dụng hình thức M&A vào đối với hoạt động thu hút vốn FDI của Việt Nam); đồng thời, tiến hành việc thu thập thông tin, rà soát lại hệ thống luật pháp và chính sách về đầu tư nước ngoài theo hướng tạo điều kiện thuận lợi, bảo đảm tính minh bạch, không bị chông chéo; nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nhằm tạo lập môi trường pháp lý phù hợp với thông lệ cũng như tập quán của các nước EU và WTO.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục *cải cách hành chính* mạnh mẽ theo hướng nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống, củng cố và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý về FDI cho phù hợp với những yêu cầu hội nhập quốc tế; hoàn thiện cơ chế "một cửa" ở các cơ quan cấp phép và quản lý đầu tư; minh bạch hóa quy trình và thủ tục đầu tư, cải tiến quy trình thẩm định dự án theo hướng mở rộng diện đăng ký cấp phép đầu tư, rút ngắn thời gian thẩm định. Đồng thời, cần tăng cường phân cấp và gắn trách nhiệm mạnh hơn nữa trong quản lý và thu hút đầu tư đi đôi với tăng cường cơ chế giám sát và phối hợp.

Mặt khác, *kết cấu hạ tầng* ở Việt Nam trong những năm qua tuy đã được nâng cấp nhưng vẫn còn yếu kém so với nhiều nước trong khu vực. Mặc dù trong thời gian tới, Chính phủ Việt Nam ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng như một lĩnh

vực đột phá tạo đà phát triển qua việc tập trung giải quyết ba vấn đề chủ chốt: rà soát lại các quy hoạch liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng; tăng tỷ lệ đầu tư cho kết cấu hạ tầng; chuẩn bị danh mục kêu gọi đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng. Tuy nhiên, Việt Nam cần đa dạng hóa hơn nữa hình thức huy động vốn, áp dụng rộng rãi cơ chế đấu thầu, khuyến khích các đối tượng tham gia tích cực và đầu tư dưới nhiều hình thức trong xây dựng kết cấu hạ tầng.

Về *nguồn nhân lực*, EU đầu tư mạnh vào những ngành có thế mạnh, những ngành đòi hỏi tiềm lực vốn lớn, công nghệ hiện đại và đội ngũ nhân viên có trình độ và tay nghề cao. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu và phát huy lợi thế về nguồn nhân lực, Việt Nam cần tăng cường đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về lao động kỹ thuật của nhiều nhà đầu tư hiện nay. Trong lĩnh vực này, Việt Nam cũng cần thu hút sự tham gia của các tổ chức trong và ngoài nước, của các doanh nghiệp và của bản thân người lao động.

- **Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư.** Trong những năm gần đây, Việt Nam đang rất nỗ lực nhằm đổi mới và đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài nói chung và đối với các nhà đầu tư EU25 nói riêng. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, theo các chuyên gia tư vấn đầu tư, Việt Nam cần đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức xúc tiến đầu tư hơn nữa.

Trước hết, cần thiết tăng cường đại diện của Việt Nam tại các nước EU25 để xúc tiến và vận động đầu tư. Đồng thời, Việt Nam cũng cần bố trí nguồn tài chính thỏa đáng, tạo cơ chế phù hợp nhằm bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho công tác này, cùng với việc chú trọng xây dựng và cập nhật ngân hàng thông tin đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, cần thực hiện đổi mới nội dung và phương thức xúc tiến đầu tư. Các chương trình vận động xúc tiến đầu tư cần được đẩy mạnh theo địa bàn, theo lĩnh vực và theo ngành với các dự án hướng vào các đối tác cụ thể; ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài trong thời gian dài hạn trên cơ sở danh mục gọi vốn

đầu tư nước ngoài của các địa phương, các bộ, ngành và các tổng công ty.

- **Nâng cao hiệu quả của các dự án có vốn FDI của EU.** Mặc dù tỷ lệ vốn thực hiện trên tổng số vốn đăng ký mà các nước EU25 đầu tư vào Việt Nam cao hơn tỷ lệ vốn thực hiện trên tổng số vốn đăng ký chung, nhưng tỷ lệ này vẫn còn ở mức chưa cao. Vì vậy, trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục rà soát lại các dự án của EU25 đã được cấp phép, đồng thời duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo Chính phủ, các bộ, ngành với các nhà đầu tư của EU25 nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc mà các nhà đầu tư EU25 gặp phải...

- **Tăng cường hợp tác song phương và đa phương.** Việt Nam cần đẩy mạnh tiến trình hợp tác với các nước EU25 trong khuôn khổ các diễn đàn, đề án và chương trình hợp tác song phương cũng như đa phương. Với Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM), cần tăng cường hợp tác trong Chương trình hành động xúc tiến đầu tư (IPAP) với một số mục tiêu như: thực hiện "Danh mục các biện pháp đầu tư hiệu quả nhằm thu hút FDI" do Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế (EMM2) thông qua; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia Diễn đàn doanh nghiệp Á - Âu (AEBF). Ngoài ra, cũng cần có sự phối hợp giữa các bộ, các cơ quan liên quan để nghiên cứu thực hiện có hiệu quả các Chương trình như đầu tư châu Á, Thuận lợi hóa thương mại (TFAP), Tăng cường đầu tư (IPAP), Quỹ Bảo lãnh ASEM (ATF), Hệ thống hỗ trợ tài chính của châu Âu (EFEX) và Sáng kiến thương mại xuyên khu vực (TREATI)... Bên cạnh đó, cần tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ về đầu tư trong khuôn khổ các chương trình, hiệp định mà Việt Nam đã ký kết với EU và với các nước thành viên như Chương trình đầu tư của Cộng đồng châu Âu (ECIP) tại Việt Nam, Hiệp định khung về hợp tác Việt Nam - EU, Đề án tổng thể và chương trình hành động phát triển quan hệ Việt Nam - EU, các hiệp định song phương về khuyến khích và bảo hộ đầu tư với các nước thành viên của EU...□